

Bản án số: **04/2022/HS-ST**
Ngày: 29 - 4 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC T, TỈNH QUẢNG NAM

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tuấn Sơn và ông Trần Văn Thắng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chiên, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc T, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc T, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Minh Nguyệt - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 4 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện Bắc T, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 01/2022/TLST-HS ngày 06 tháng 01 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2022/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 01 năm 2022 đối với:

1. Bị cáo **Trương Minh T.** Tên gọi khác: không. Sinh ngày 07/01/1990 tại huyện T, tỉnh Quảng Nam; Nơi cư trú: thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam; Nghề nghiệp: lao động phổ thông; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông không rõ và bà Trương Thị H (chết); Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân:

- Ngày 29/8/2013, bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam xử phạt 04 năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”, chấp hành xong vào ngày 14/4/2016.

- Ngày 10/01/2017, bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam xử phạt 06 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”, chấp hành xong vào ngày 14/6/2017.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/5/2020 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Bị cáo **Trần Văn D.** Tên gọi khác: không. Sinh ngày 12/8/1987 tại huyện T, tỉnh Quảng Nam; Nơi cư trú: thôn 06, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam; Nghề nghiệp: lao động phổ thông; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Duy H (chết) và bà Nguyễn Thị Xuân Y; Bị cáo sống chung như vợ chồng với chị Hồ Thị B và có 01 con; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân:

- Ngày 23/12/2009, bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam xử phạt 24 tháng tù và tổng hợp hình phạt 12 tháng tù của Tòa án nhân dân huyện Bắc T,

tỉnh Quảng nam, tổng cộng bị cáo phải chấp hành hình phạt 36 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản”, ngày 30/8/2010 được đặc xá.

- Ngày 30/11/2011, bị Tòa án nhân dân quận H, T phố Đà Nẵng xử phạt 24 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong vào ngày 11/9/2013.

- Ngày 15/3/2014, bị Tòa án nhân dân quận L, T phố Đà Nẵng xử phạt 04 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong vào ngày 08/11/2017.

- Ngày 19/4/2018, bị Công an huyện T, tỉnh Quảng Nam xử phạt số tiền 750.000 đồng về hành vi “Đánh nhau”, nộp phạt ngày 19/4/2018.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giam từ ngày 02/7/2020 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

+ Ông Mạc Xuân T, sinh năm 1986 (vắng mặt).

Địa chỉ: tổ B, thị trấn T, huyện Bắc T, tỉnh Quảng Nam.

+ Ông Lưu Quý T, sinh năm 1995 (vắng mặt).

Địa chỉ: tổ B, thị trấn T, huyện Bắc T, tỉnh Quảng Nam.

+ Bà Trần Hoàng O, sinh năm 1991 (vắng mặt).

Địa chỉ: tổ T, thị trấn T, huyện Bắc T, tỉnh Quảng Nam.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1985 (vắng mặt).

Địa chỉ: tổ T, thị trấn T, huyện Bắc T, tỉnh Quảng Nam.

+ Bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1984 (vắng mặt).

Địa chỉ: tổ 02, phường C, T phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

+ Bà Nguyễn Thị Thu D, sinh năm 1972 (vắng mặt).

Địa chỉ: tổ 02, phường C, T phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

+ Ông Nguyễn Q, sinh năm 1985 (vắng mặt).

Địa chỉ: tổ 2, thôn V, xã C, T phố H, Quảng Nam.

+ Ông Huỳnh Văn T, sinh năm 1974 (vắng mặt).

Địa chỉ: khối 3, thị trấn T, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

+ Ông Võ B, sinh năm 1976 (vắng mặt).

Địa chỉ: thôn K, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam.

+ Bà Lê Thị Hiền L, sinh năm 1981 (vắng mặt).

Địa chỉ: khối phố 6, phường A, T phố T, tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và D biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng cuối năm 2019, trong quá trình sử dụng facebook cá nhân có tên tài khoản “nợ đời”, bị cáo Trương Minh T thấy có nhiều trang facebook trên mạng Internet quảng cáo về việc làm giấy tờ xe mô tô giả. Lúc này, bị cáo T nảy sinh ý định tìm mua loại xe có giá trị lớn như xe SH nhưng không có giấy tờ hợp

pháp vì bị cáo T biết rõ các loại xe này do hoạt động phạm tội mà có và sẽ mua được với giá rẻ so với giá trị thật của loại xe có giấy tờ hợp pháp. Sau khi mua được xe, bị cáo T lên mạng facebook để đặt làm giả các giấy tờ, sau đó mang xe đi cầm cố với giá trị cao hơn so với giá trị mà bị cáo T mua rồi bỏ luôn nhằm để lừa đảo chiếm đoạt tiền của các chủ tiệm cầm đồ. Bị cáo T đã thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần với cách thức trên, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Vào khoảng tháng 12/2019, có người liên lạc với bị cáo T về việc bán cho bị cáo một xe mô tô nhãn hiệu SH mode, số máy JF51F0084861, số khung RLHJF510DY084824, hai bên hẹn nhau tại đường Thanh Hóa, T phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam để giao dịch. Khi bị cáo T đến thì có hai thanh niên (*không rõ lai lịch*) chạy hai xe, trong đó có một xe mô tô, nhãn hiệu SH mode, không có giấy tờ và bị cáo mua xe này với số tiền 14.000.000 đồng. Sau khi mua xe, bị cáo T đem xe đến nhà giữ xe của Bệnh viện đa khoa tỉnh Quảng Nam gửi tại đây rồi đi về phòng trọ của mình ở số 118 Hùng Vương, T phố Tam Kỳ. Sau đó, bị cáo T đặt làm giả một bộ hồ sơ gồm 01 giấy chứng nhận đăng ký mô tô xe máy số 038080 mang tên Nguyễn Quốc Huy; 01 giấy chứng minh nhân dân số 205334216 mang tên Nguyễn Quốc Huy có hình ảnh trong giấy CMND giống hình ảnh của bị cáo T, địa chỉ tại thôn 8, xã Trà Đông, huyện Bắc T và 01 biển số xe 92V1-063.40 với số tiền 2.600.000 đồng. Khoảng 04 đến 05 ngày sau, bị cáo T nhận được bộ giấy tờ giả và biển số xe đã đặt. Đến ngày 27/12/2019, bị cáo T điều khiển xe mô tô này và mang toàn bộ giấy tờ xe giả đến tiệm cầm đồ “A T” do ông Mạc Xuân T là chủ hiệu cầm đồ ở tại thị trấn T, huyện Bắc T để cầm cố với số tiền 28.000.000 đồng. Bị cáo T giả chữ ký và ghi tên Nguyễn Quốc Huy trong giấy biên nhận cầm đồ và lấy tiền cầm được tiêu xài cá nhân.

Lần thứ hai: Vào khoảng tháng 3/2020, bị cáo T mua một chiếc xe mô tô nhãn hiệu SH125i, số máy JF42E0111661, số khung RLHJF4212DY111608 không có giấy tờ của hai người thanh niên (*không rõ lai lịch*) tại đường Thanh Hóa, T phố Tam Kỳ với số tiền 18.000.000 đồng. Sau đó, bị cáo T tiếp tục đặt làm giả một bộ giấy tờ xe gồm 01 giấy chứng nhận đăng ký xe máy số 001715 mang tên Hồ Văn Sơn; 01 chứng minh nhân dân số 215134612 mang tên Hồ Văn Sơn có địa chỉ tại thôn 02, xã Trà Đốc, huyện Bắc T và 01 biển số xe 92V1- 064.15 với số tiền 3.000.000 đồng. Đến ngày 14/3/2020, bị cáo T sử dụng xe mô tô và toàn bộ giấy tờ giả đến tiệm cầm đồ “Y T” do ông Lưu Quý T là chủ tiệm cầm đồ ở tại thị trấn T, huyện Bắc T, tỉnh Quảng Nam để thực hiện việc cầm cố với số tiền là 40.000.000 đồng. Bị cáo T giả chữ ký và ghi tên Hồ Văn Sơn trong giấy biên nhận cầm đồ và lấy tiền cầm được tiêu xài cá nhân.

Lần thứ ba: Vào khoảng tháng 4/2020, bị cáo T mua 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu SH125i, số máy JF42E0053784, số khung RLHJF4210DY53806 không có giấy tờ của hai người thanh niên (*không rõ lai lịch*) tại đường Thanh Hóa, T phố Tam Kỳ với số tiền 18.000.000 đồng. Sau khi mua xe, do sợ bị phát hiện vì đã 02 lần bị cáo T trực tiếp vào cầm cố xe nên lần này bị cáo T nảy sinh ý định nhờ bị cáo Trần Văn D đi cầm cố xe giúp. Bị cáo T vào trang facebook cá nhân của bị cáo D để lấy hình ảnh và yêu cầu nơi làm giả giấy tờ làm gần giống hình ảnh của bị cáo D chứ không giống hoàn toàn. Bị cáo T đặt bộ giấy tờ giả lần này gồm 01 giấy chứng nhận đăng ký xe số 034165 mang tên Hồ Văn Sơn, 01 chứng minh

nhân dân số 205646504 mang tên Hồ Văn Sơn, có ảnh gần giống ảnh của bị cáo D có địa chỉ tại thôn 05, xã Trà Đốc, huyện Bắc T và 01 biển số xe 92V1-058.75 với số tiền 2.600.000 đồng. Sau khi nhận được bộ giấy tờ xe và biển số giả, bị cáo T liên lạc với bị cáo D và nói với bị cáo D là có mua được một chiếc xe SH, trong chứng minh nhân dân của chủ xe có khuôn mặt giống bị cáo D nên nhờ bị cáo D đi cầm giúp và được bị cáo D đồng ý. Ngày 10/4/2020, bị cáo T điều khiển xe SH đi đến ngã ba T Hiệp, huyện T gặp bị cáo D như đã hẹn trước và đi lên thị trấn T, huyện Bắc T. Sau đó, bị cáo D đem xe và giấy tờ giả đến cầm cố tại tiệm cầm đồ “Vũ” tại tổ T, thị trấn T để giao dịch cầm xe với giá khoảng 39.000.000 đồng nhưng chủ tiệm cầm đồ là bà Trần Hoàng O không đồng ý. Bị cáo D đem xe SH đến cầm tại tiệm cầm đồ “Dũng” của ông Nguyễn Đức Dũng và tiệm cầm đồ “Nhưng” của bà Trần Thị Cẩm Nhung cầm với giá 45.000.000 đồng nhưng ông Dũng và bà Nhung không đồng ý cầm vì giá quá cao. Sau đó, bị cáo D quay lại tiệm cầm đồ “Vũ” và cầm xe cho bà Trần Hoàng O với giá 30.000.000 đồng. Bị cáo D giả chữ ký và ghi tên Hồ Văn Sơn trong giấy biên nhận cầm đồ. Sau khi cầm xe xong, bị cáo D đưa hết tiền cho bị cáo T được bị cáo T cho bị cáo D số tiền 2.000.000 đồng.

Lần thứ T: Vào cuối tháng 4/2020 (không rõ ngày), bị cáo T mua 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu SH125i, số máy JF4E0108104, số khung RLHJF4214DY107981 của hai người thanh niên (*không rõ lai lịch*) tại đường Nguyễn Hoàng, T phố Tam Kỳ với giá 18.000.000 đồng. Sau khi mua xe, bị cáo T tiếp tục đặt làm một bộ giấy tờ xe giả gồm 01 giấy chứng nhận đăng ký xe số 205447 mang tên Hồ Văn Cự, 01 chứng minh nhân dân số 205134225 mang tên Hồ Văn Cự, có hình ảnh giống với bị cáo D có địa chỉ tại thôn 05, xã Trà Đốc, huyện Bắc T, tỉnh Quảng Nam và 01 biển số xe 92V1-061.60 với số tiền 3.000.000 đồng. Sau khi nhận được giấy tờ và biển số xe giả, bị cáo T liên lạc và nhờ bị cáo D đi cầm xe giúp như lần trước và được bị cáo D đồng ý. Đến ngày 04/5/2020, bị cáo D điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Sirius, biển số 92D1-167.68, số khung RLCUE3240KY238779, số máy E3X9E657734 và giấy tờ xe mang tên Nguyễn Văn Tùng (*xe này bị cáo D mua lại của những người không rõ lai lịch và giấy tờ xe do bị cáo D đặt làm giả*) đi từ huyện T xuống phòng trọ của bị cáo T tại đường Hùng Vương, T phố Tam Kỳ. Sau đó, bị cáo D chở bị cáo T đến lấy xe SH mà bị cáo T đã mua trước đó và gửi tại nhà xe Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Nam rồi cả hai điều khiển xe Sirius và xe SH đi lên thị trấn T, huyện Bắc T để cầm chiếc xe SH125i, số máy JF4E0108104, số khung RLHJF4214DY107981. Đến khoảng 14 giờ 30 cùng ngày, bị cáo T và bị cáo D đến tiệm cầm đồ “79” do ông Nguyễn Thanh Hùng làm chủ tiệm cầm đồ. Bị cáo T đưa xe mô tô SH125i, biển số giả 92V1-061.60 và giấy tờ xe giả cho bị cáo D vào giao dịch trực tiếp với chủ tiệm cầm đồ là ông Hùng, còn bị cáo T đứng bên ngoài đợi. Bị cáo D vào và nói với ông Hùng muốn cầm cố xe với giá khoảng 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng. Ông Hùng yêu cầu bị cáo D đưa giấy tờ để kiểm tra gồm 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô có số 205447 và 01 giấy chứng minh nhân dân số 205134225 đều mang tên Hồ Văn Cự, địa chỉ ở thôn 05, xã Trà Đốc, huyện Bắc T. Trong đó chứng nhận đăng ký xe mô tô do người có thẩm quyền ký tên là ông Phạm Thế Long, chức vụ “Trưởng phòng”. Ông Hùng nảy sinh nghi ngờ giấy tờ xe này là giả vì biết được thực tế ông Phạm Thế Long hiện đang giữ chức vụ Phó

Trưởng Công an huyện Bắc T chứ không phải là chức vụ “Trưởng phòng”. Do đó, ông Hùng gọi điện báo Công an huyện Bắc T để xác minh. Sau khi tiếp nhận tin báo thì Công an huyện Bắc T đến lập biên bản, tạm giữ các tài liệu liên quan và làm việc với bị cáo Trương Minh T và bị cáo Trần Văn D để điều tra, làm rõ.

Ngoài ra, do muốn có 01 chiếc xe mô tô giá rẻ để hành nghề xe ôm nên trong thời gian chờ khách đến các sòng bạc tại T phố Tam Kỳ, bị cáo D dò hỏi để mua xe không có giấy tờ. Bị cáo D biết rõ loại xe này là xe do phạm tội mà có nên khi mua lại thì giá rẻ hơn nhiều so với xe có giấy tờ. Mặc dù chưa mua được xe nhưng bị cáo D sử dụng tài khoản facebook cá nhân để đặt làm giả giấy chứng nhận đăng ký xe máy. Bị cáo D đã giao dịch với một trang facebook để đặt làm giả giấy chứng nhận đăng ký xe máy có biển số xe là 92M1- 028.87. Tuy nhiên, do bên làm giả giấy tờ yêu cầu bị cáo D trả tiền trước nên bị cáo D không chuyển tiền vì sợ mất tiền nên chưa làm được giấy tờ xe giả. Đến tháng 12/2019, bị cáo D mua được 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Sirius, biển kiểm soát 92D1.167.68, số máy E3X9E-657734, số khung RLCUE3240KY238779 của một người không rõ lai lịch với số tiền 2.800.000 đồng. Do sợ bị kiểm tra giấy tờ xe nên bị cáo D có hỏi bị cáo Trương Minh T về việc đặt làm giấy tờ xe giả. Đến cuối năm 2019, bị cáo T có liên lạc và biết bị cáo D chưa làm được giấy tờ xe giả nên bị cáo T nói với bị cáo D để bị cáo T làm giúp. Sau khi bị cáo D đưa thông tin số khung, số máy và biển kiểm soát cho bị cáo T thì bị cáo T đã lên mạng facebook đặt làm giả 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 349729 mang tên Nguyễn Văn Tùng và 01 biển kiểm soát 92D1.167.68 với số tiền 1.500.000 đồng để bị cáo D sử dụng. Bị cáo D sử dụng xe để lưu thông và giấy tờ giả để đối phó cơ quan chức năng nếu kiểm tra giấy tờ xe. Đến ngày 04/5/2020, bị cáo D sử dụng xe mô tô trên và giấy tờ giả lưu thông từ T phố Tam Kỳ lên huyện Bắc T để thực hiện hành vi lừa đảo nhằm chiếm đoạt tài sản tại tiệm cầm đồ “79” cùng với bị cáo Trương Minh T (lần thứ 4) thì bị Công an huyện Bắc T phát hiện, tạm giữ.

Tại bản giám định số 43/PC09 ngày 12/5/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Nam kết luận:

- Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 349729 mang tên Nguyễn Văn Tùng (ký hiệu A1) là giả.

- Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 205447 mang tên Hồ Văn Cự (ký hiệu A4) là giả.

- Giấy chứng minh nhân dân số 205314225 mang tên Hồ Văn Cự (ký hiệu A5) là giả.

- Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 034765 mang tên Hồ Văn Sơn (ký hiệu A7) là giả.

- Giấy chứng minh nhân dân mang số 205646504 tên Hồ Văn Sơn (ký hiệu A8) là giả.

Tại bản giám định số 46/PC09 ngày 21/5/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Nam kết luận:

- Giấy chứng minh nhân dân số 215134612 mang tên Hồ Văn Sơn (ký hiệu A1) là giả.

- Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 001715 mang tên Hồ Văn Sơn, biển số đăng ký 92V1- 064.15 (ký hiệu A2) là giả.

- Giấy chứng minh nhân dân số 205334216 mang tên Ngụy Quốc Huy (ký hiệu A3) là giả.

- Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 038080 mang tên Nguyễn Quốc Huy, biển số đăng ký 92V1-063.40 (ký hiệu A4) là giả.

Tại bản giám định số 17/GĐKT-PC09 ngày 18/5/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Nam kết luận:

- Xe mô tô nhãn hiệu SH125i, màu sơn đen, gắn biển kiểm soát 92V1 - 061.60 (ký hiệu là xe mô tô 1) có hàng ký tự số khung RLHJF4214DY107981 đóng trên khung xe và hàng ký tự số máy JF42E0108104 đóng trên lốc máy là số nguyên thủy.

- Xe mô tô nhãn hiệu SH125i, màu sơn đỏ, gắn biển kiểm soát 92V1 - 058.75 (ký hiệu là xe mô tô 2) có hàng ký tự số khung RLHJF4210DY53806 đóng trên khung xe và hàng ký tự số máy JF42E0053784 đóng trên lốc máy là số nguyên thủy.

- Xe mô tô nhãn hiệu Yamaha - Sirius, màu sơn đen, gắn biển kiểm soát 92D1-167.68 (ký hiệu là xe mô tô 3) có hàng ký tự số khung RRLCUE3240KY238779 đóng trên khung xe và hàng ký tự số máy E3X9E-657734 đóng trên lốc máy là số nguyên thủy.

Tại bản giám định số 22/GĐKT-PC09 ngày 31/5/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Nam kết luận:

- Xe mô tô nhãn hiệu SH MODE, màu sơn trắng, gắn biển kiểm soát 92V1 - 063.40 (ký hiệu là xe mô tô 1) có hàng ký tự số khung RLHJF5105DY084824 đóng trên khung xe và hàng ký tự số máy JF42E0111661 đóng trên lốc máy là số nguyên thủy.

- Xe mô tô nhãn hiệu SH, màu sơn đen, gắn biển kiểm soát 92V1 - 064.15 (ký hiệu là xe mô tô 2) có hàng ký tự số khung RLHJF4212DY111608 đóng trên khung xe và hàng ký tự số máy JF51E0084861 đóng trên lốc máy là số nguyên thủy.

Tại bản giám định số 53/PC09 ngày 02/6/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Nam kết luận:

- Chữ viết đứng tên Nguyễn Quốc Huy dưới mục “KHÁCH HÀNG THẾ CHẤP” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1 (giấy biên nhận cầm đồ); chữ viết đứng tên Hồ Văn Sơn dưới mục “NGƯỜI CÓ TÀI SẢN THẾ CHẤP” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A2 (giấy biên nhận cầm đồ) so với chữ viết của bị cáo Trương Minh T trên các tài liệu mẫu so sánh M1 và M2 là do cùng một người viết ra.

- Chữ viết đứng tên Hồ Văn Sơn dưới mục “NGƯỜI CÓ TÀI SẢN THẾ CHẤP” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A3 (giấy biên nhận cầm đồ so với chữ viết của bị cáo Trần Văn D trên các tài liệu mẫu so sánh M3 và M4 là do cùng một người viết ra.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 16/KL - HDGTS ngày 09/7/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Bắc T, tỉnh Quảng Nam kết luận:

- Xe mô tô nhãn hiệu SH mode, số máy JF42E0111661, số khung RLHJF5105DY084824 có giá trị tại thời điểm bị mất là 28.000.000 đồng.

- Xe mô tô nhãn hiệu SH125i số máy JF42E0111661, số khung RLHJF4212DY111608 có giá trị tại thời điểm bị mất là 42.000.000 đồng.

- Xe mô tô nhãn hiệu SH125i, số máy JF42E0053784, số khung RLHJF4210DY53806 có giá trị tại thời điểm bị mất là 35.000.000 đồng.

- Xe mô tô nhãn hiệu SH125i, số máy JF4E0108104, số khung RLHJF4214DY107981 có giá trị tại thời điểm bị mất là 40.000.000 đồng.

- Xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại SIRISUS số máy E3X9E657734, số khung RLCUE3240KY238779 có giá trị tại thời điểm bị mất là 23.000.000 đồng.

Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc T đã tiến hành xác minh nguồn gốc chủ sở hữu của 04 chiếc xe mô tô nhãn hiệu SH và 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Sirius mà bị cáo Trương Minh T và bị cáo Trần Văn D mua của những người không rõ lai lịch. Kết quả xác định được như sau:

- Xe mô tô nhãn hiệu SH mode, số máy JF42E0111661, số khung RLHJF5105DY084824, biển kiểm soát 76E-223.27 là của bà Nguyễn Thị Kim Hòa trú tại thôn Thu Xà, xã Nghĩa Hòa, huyện T Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi. Ngày 21/12/2019, bà Hòa cho bà Nguyễn Thị Thu Diễm, sinh năm 1972, trú tại phường Chánh Lộ, T phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi mượn xe để sử dụng, đến khoảng 18 giờ cùng ngày thì bị mất trộm tại phường Nghĩa Chánh, T phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- Xe mô tô nhãn hiệu xe mô tô nhãn hiệu SH125 số máy JF42E0111661, số khung RLHJF4212DY111608, biển kiểm soát 92C1-155.82 là của ông Nguyễn Quê, sinh năm 1985, trú tại thôn Võng Nhi, phường Cẩm Thanh, T phố Hội An, tỉnh Quảng Nam. Ngày 06/3/2020, ông Quê đi làm việc tại đường Lạc Long Quân, phường Điện Ngọc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam thì bị mất trộm.

- Xe mô tô nhãn hiệu xe mô tô nhãn hiệu SH125i, số máy JF42E0053784, số khung RLHJF4210DY53806, biển kiểm soát 92N1-197.39 là của ông Huỳnh Văn Thuận, sinh năm 1979, trú tại khối 3, thị trấn T, huyện T, tỉnh Quảng Nam. Khoảng 19 giờ 15 phút, ngày 04/4/2020 ông Thuận bị mất trộm chiếc xe này khi để trước nhà của mình.

- Xe mô tô nhãn hiệu SH125i, số máy JF4E0108104, số khung RLHJF4214DY107981, biển kiểm soát 92B1-210.91 là của bà Lê Thị Hiền Linh, sinh năm 1981, trú tại phường An Mỹ, T phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam. Ngày 24/4/2020, bà Linh để xe tại địa chỉ số 135 Trương Định, phường An Mỹ, T phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam thì bị mất trộm.

- Xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, số máy E3X9E-657734, số khung RLCUE3240KY238779, biển kiểm soát 92D1-695.70 là của ông Võ Bao, sinh

năm 1976, trú tại Khúc Lũy, phường Điện Minh, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam. Ngày 06/11/2019, ông Bao bị mất trộm chiếc xe này tại phường Vĩnh Điện, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

Bản cáo trạng số 02/CT-VKS-BTM ngày 05 tháng 01 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc T, tỉnh Quảng Nam truy tố bị cáo Trương Minh T về các tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a, c khoản 2 Điều 174; tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*; tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo điểm a khoản 3 Điều 341; tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” theo điểm c khoản 2 Điều 323 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Truy tố bị cáo Trần Văn D về các tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 2 Điều 174; tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*; tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo điểm b, d khoản 2 Điều 341; tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” theo khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên nội dung truy tố theo bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm a, c khoản 2 Điều 174; điểm a khoản 3 Điều 341; điểm c khoản 2 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt Trương Minh T từ 04 đến 05 năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”; từ 03 đến 05 năm tù về tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*; tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”; từ 03 đến 04 năm tù về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”.

Áp dụng điểm a khoản 1 điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Trương Minh T phải chấp hành hình phạt chung của ba tội từ 10 đến 14 năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam, ngày 05/5/2020.

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 174; điểm b, d khoản 2 Điều 341; khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt Trần Văn D từ 02 đến 03 năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”; từ 02 đến 03 năm tù về tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*; tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”; từ 01 đến 02 năm tù về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”.

Áp dụng điểm a khoản 1 điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Trần Văn D phải chấp hành hình phạt chung của ba tội từ 05 đến 08 năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam, ngày 02/7/2020.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Trương Minh T phải có nghĩa vụ bồi thường số tiền đã chiếm đoạt của các bị hại theo quy định của Bộ luật Dân sự, gồm: ông Mạc Xuân T số tiền 28.000.000 đồng, ông Lưu Quý T số tiền 40.000.000 đồng và bà Trần Hoàng O số tiền 30.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: áp dụng điều 47 của Bộ luật Hình sự, điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy: Các biển kiểm soát 92V1-061.60; 92V1-064.15; 92V1-058.75; 92V1-061.60; 92D1-167.68. Trả lại cho bị cáo Trương

Minh T: 01 giấy phép lái xe hạng A1, số 490163009257 mang tên Trương Minh T; 01 giấy phép lái xe hạng C, số 490163009257 mang tên Trương Minh T; 01 điện thoại di động, màu đen loại màn hình phím bấm, giữa góc màn hình điện thoại có dòng chữ FORME, có gắn thẻ sim 079.3333291. Trả lại cho bị cáo Trần Văn D: 01 giấy chứng minh nhân dân số 205261087 mang tên Trần Văn D; 01 điện thoại di động, nhãn hiệu OPPO, màu xanh đen loại OPPO F9; 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone, màu vàng đồng. Truy thu số tiền 2.000.000 đồng của bị cáo Trần Văn D có được do phạm tội mà có để sung vào ngân sách nhà nước.

Trong quá trình điều tra, các bị hại có ý kiến yêu cầu bị cáo Trương Minh T phải có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại do hành vi phạm tội đã gây ra, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đề nghị Tòa án xét xử theo quy định của pháp luật. Các bị cáo nói lời sau cùng mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đối với bị cáo Trương Minh T trong thời gian từ tháng 12 năm 2019 đến cuối tháng 4 năm 2020, bị cáo đã mua 04 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại xe SH không có giấy tờ hợp pháp của các đối tượng (*không rõ lai lịch*) tại T phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam. 04 (bốn) xe mô tô này đã được xác định chủ sở hữu hợp pháp nhưng bị mất trộm. Sau khi mua, bị cáo T lên mạng facebook thực hiện 04 lần đặt làm giả các giấy tờ gồm 12 tài liệu giả (*04 giấy đăng ký xe máy, 04 giấy chứng minh nhân dân và 04 biển số xe*). Đối với 02 chiếc xe SH đầu T, bị cáo T đặt làm giả giấy tờ có hình ảnh của bị cáo và trực tiếp sử dụng các loại giấy tờ giả này giao dịch cầm cố để lừa đảo tại thị trấn T, huyện Bắc T, chiếm đoạt số tiền 28.000.000 đồng của ông Mạc Xuân T và 40.000.000 đồng của ông Lưu Quý T. Đối với 02 chiếc xe SH còn lại, bị cáo T tự ý lấy hình ảnh của bị cáo D và đặt giấy tờ giả. Đồng thời, bị cáo T nhờ bị cáo D trực tiếp thực hiện giao dịch cầm cố để lừa đảo lần thứ 3 và lần thứ 4. Trong đó, lần thứ 3 bị cáo D và bị cáo T cầm cố lừa đảo chiếm đoạt được số tiền 30.000.000 đồng của bà Trần Hoàng O; lần thứ 4 khi bị cáo D và bị cáo T đang thực hiện hành vi cầm cố xe SH tại tiệm cầm đồ của ông Nguyễn Thanh Hùng thì bị phát hiện nên chưa chiếm đoạt được tài sản. Tổng số tiền mà bị cáo Trương Minh T lừa đảo chiếm đoạt là 98.000.000 đồng (*Chín mươi tám triệu đồng*). Tổng giá trị 04 xe mô tô SH mà T đã mua (xe do phạm tội mà có) có giá trị tại thời điểm bị mất trộm là 145.000.000 đồng (*Một trăm bốn mươi lăm triệu đồng*). Ngoài ra, bị cáo T còn giúp bị cáo D đặt làm giả 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô đối với chiếc xe Sirius của bị cáo D để bị cáo D sử dụng. Bị cáo T đã làm giả tổng cộng 13 tài liệu, sử dụng 12 tài liệu giả.

Đối với bị cáo Trần Văn D đã sử dụng giấy tờ giả có hình ảnh của bị cáo do bị cáo T đặt làm giả để thực hiện giao dịch cầm cố 01 chiếc xe SH lần thứ 3 chiếm đoạt số tiền 30.000.000 đồng của bà Trần Hoàng O. Đến ngày 04/5/2020, bị cáo cùng với bị cáo T đến thị trấn T cầm cố xe SH lần thứ 4 để lừa đảo chiếm đoạt tài sản tại tiệm cầm đồ của ông Nguyễn Thanh Hùng nhưng chưa chiếm đoạt được tiền thì bị phát hiện. Ngoài ra, bị cáo D đã nhờ bị cáo T lên mạng đặt làm giả giấy

chứng nhận đăng ký xe mô tô giả để sử dụng xe mô tô nhãn hiệu Sirius, biển kiểm soát 92D1-167.68. Bị cáo D 02 lần sử dụng 02 giấy đăng ký xe máy giả, 02 giấy chứng minh nhân dân giả và 02 biển số xe giả để thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản tại tiệm cầm đồ bà Trần Hoàng O với số tiền 30.000.000 đồng và ông Nguyễn Thanh Hùng nhưng chưa chiếm đoạt được tiền thì bị phát hiện. Đồng thời, bị cáo có hành vi mua 01 xe mô tô nhãn hiệu Sirius, biển kiểm soát 92D1-167.68 do người khác phạm tội mà có (*xe không có giấy tờ*). Sau khi mua xe thì bị cáo D nhờ bị cáo T đặt trên mạng làm giấy chứng nhận xe giả. Xe mô tô nhãn hiệu Sirius này được xác định là của ông Võ Bao bị mất trộm trong quá trình sử dụng. Giá trị xe mô tô này tại thời điểm bị trộm cắp là 23.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, bị cáo T không thừa nhận hành vi phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản với tình tiết có tổ chức. Tuy nhiên, quá trình điều tra đã chứng minh bị cáo T và bị cáo D có sự cấu kết chặt chẽ, thể hiện trong quá trình cầm đồ lần thứ 3 tại tiệm cầm đồ Vũ, các bị cáo đã trao đổi, bàn bạc để lừa đảo với số tiền cao hơn, các bị cáo đã đi tìm các tiệm cầm đồ khác để thực hiện hành vi nhằm mục đích chiếm đoạt số tiền cao hơn. Đồng thời, tại lần thứ T, mặc dù chưa chiếm đoạt được tiền nhưng hành vi của các bị cáo đã hoàn T, đã tiến hành đưa ra các thông tin gian dối đối với ông Nguyễn Thanh Hùng, chủ tiệm cầm đồ 79 nhằm mục đích làm cho ông Hùng tin Tổng là tài sản của các bị cáo. Như vậy có căn cứ chứng minh các bị cáo đã biết các trình tự, thủ tục khi thực hiện hành vi cầm đồ để lừa đảo trong đó bị cáo T là người chủ mưu, còn bị cáo D là người thực hiện hành vi phạm tội.

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Văn D không thừa nhận hành vi phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Tuy nhiên, quá trình điều tra thể hiện sau khi thực hiện hai lần lừa đảo ở các tiệm cầm đồ tại thị trấn T, bị cáo T sợ bị lộ nên nảy sinh ý định nhờ bị cáo D đi cầm cố xe giúp. Bị cáo T đã tự ý đặt làm giả giấy tờ, biển số xe và nhờ bị cáo D cầm tại tiệm cầm đồ “Vũ” để cầm xe SH với số tiền là 30.000.000 đồng. Bị cáo T cho bị cáo D số tiền 2.000.000 đồng. Hơn nữa, khi bị cáo D đem xe và giấy tờ giả đến cầm cố tại tiệm cầm đồ “Vũ” tại thị trấn T, thị trấn T để giao dịch cầm xe với giá khoảng 39.000.000 đồng nhưng chủ tiệm cầm đồ là bà Trần Hoàng O không đồng ý thì bị cáo D đem xe SH đến cầm tại tiệm cầm đồ của ông Nguyễn Đức Dũng và bà Trần Thị Cẩm Nhung cầm với giá 45.000.000 đồng nhưng ông Dũng và bà Nhung không đồng ý cầm vì giá quá cao. Sau đó, bị cáo D quay lại tiệm cầm đồ “Vũ” và cầm xe cho bà Trần Hoàng O với giá 30.000.000 đồng. Bị cáo D giả chữ ký và ghi tên Hồ Văn Sơn trong giấy biên nhận cầm đồ. Như vậy, bị cáo D phải biết chiếc xe SH này không phải là tài sản của bị cáo T nhưng vẫn thực hiện hành vi phạm tội nên bị cáo đồng phạm với bị cáo T trong việc lừa đảo chiếm đoạt số tiền 30.000.000 đồng. Đồng thời, trong quá trình cầm cố xe tại tiệm cầm đồ Vũ, bị cáo D đã đưa ra các thông tin gian dối như: chủ xe máy đó là của mình, do vợ của mình đi lại, vợ làm giáo viên, do đánh bạc nợ nần nên mới cầm xe. Ngoài ra, đối với giao dịch cầm đồ giữa bị cáo T và bị cáo D tại tiệm cầm đồ ông Nguyễn Thanh Hùng thì bị cáo D đã biết xe và giấy tờ bị cáo T đưa là tài sản trộm cắp và giấy tờ giả, đồng thời đã đưa ra thông tin gian dối để thực hiện hành vi lừa đảo. Việc ông Hùng phát hiện giấy đăng ký xe SH và bị cáo chưa lấy được tiền là do khách quan ngoài ý muốn của các bị cáo, hành vi phạm tội lần này của các bị cáo chưa hoàn T. Do đó, bị cáo D có vai trò đồng phạm, là người thực hiện hành vi phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản với bị cáo Trương Minh T.

Từ những phân tích nêu trên, đối chiếu và thẩm tra phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và vật chứng thu giữ được, phù hợp với các bản kết luận giám định của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Nam, kết quả định giá và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thu thập đã chứng minh:

Bị cáo Trương Minh T đã lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bị hại với tổng số tiền là 98.000.000 đồng, trong đó cùng với bị cáo Trần Văn D lừa đảo chiếm đoạt số tiền 30.000.000 đồng, thuộc trường hợp quy định tại điểm a, c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Bị cáo T đã lên mạng Facebook đặt làm giả (đã thanh toán hết tiền sau khi nhận hàng) và sử dụng 13 tài liệu giả gồm 05 giấy đăng ký xe máy, 04 giấy chứng minh nhân dân và 04 biển số xe, thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 3 Điều 341 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Đồng thời, tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có với 04 xe nhãn hiệu HONDA, loại xe SH trị giá 145.000.000 đồng, thuộc trường hợp quy định tại điểm c khoản 2 Điều 323 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Bị cáo Trần Văn D cùng với bị cáo Trương Minh T đã lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người bị hại với số tiền là 30.000.000 đồng, thuộc trường hợp quy định tại điểm a, c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Bị cáo D đã nhờ bị cáo T lên mạng Facebook đặt làm giả (đã thanh toán hết tiền sau khi nhận hàng) và sử dụng 01 giấy đăng ký xe máy để lưu thông, sử dụng 02 giấy đăng ký xe máy giả, 02 giấy chứng minh nhân dân giả và 02 biển số xe giả để thực hiện hành vi cầm cố, lừa đảo chiếm đoạt số tiền 30.000.000 đồng, thuộc trường hợp quy định tại điểm b, d khoản 2 Điều 341 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Đồng thời, tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có với 01 xe nhãn hiệu YAMAHAa, loại xe Sirius trị giá 23.000.000 đồng, thuộc trường hợp quy định khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Như vậy, bản cáo trạng số 02/CT-VKS-BTM ngày 05 tháng 01 năm 2022 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc T, tỉnh Quảng Nam và quan điểm luận tội của Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa là có căn cứ pháp luật.

Hội đồng xét xử sơ thẩm có đủ cơ sở để kết luận hành vi của bị cáo Trương Minh T đã phạm các tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a, c khoản 2 Điều 174; “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” theo điểm a khoản 3 Điều 341; “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” theo điểm c khoản 2 Điều 323 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Bị cáo Trần Văn D đã phạm các tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 2 Điều 174; “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” theo điểm b, d khoản 2 Điều 341; “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” theo khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[2] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo thì thấy:

[2.1] Bị cáo Trương Minh T là người đã T niên, có đủ khả năng nhận thức được mọi hành vi vi phạm đều phải bị pháp luật xử lý nghiêm minh nhưng do không chịu lao động, muốn có tiền tiêu xài nên đã tìm mua các loại xe có nguồn gốc vi phạm pháp luật (xe bị mất trộm) với giá rẻ của các hãng xe và nhãn hiệu có giá trị, lên mạng xã hội cung cấp các thông tin cho đối tượng làm giả giấy tờ và đặt các loại giấy tờ chứng minh quyền sở hữu của chiếc xe, sau đó đem đến các tiệm cầm đồ nhằm mục đích lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Hành vi của bị cáo thực hiện nhiều lần, có sự tính toán và đối phó để tránh phát hiện. Đặc biệt hơn, bị cáo đã lợi dụng sự thiếu kiểm tra của các cơ sở cầm đồ tại thị trấn T (bị cáo khai ở các địa bàn khác các chủ tiệm cầm đồ có máy soi giấy tờ nên dễ bị phát hiện giả) để thực hiện 03 lần lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Bị cáo đã làm và sử dụng các giấy tờ của các cơ quan chức năng để thực hiện hành vi phạm tội, làm ảnh hưởng đến công tác quản lý hành chính của Nhà nước. Vì vậy, cần phải xử phạt bị cáo mức án Túng xứng với tính chất, hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra thì mới có tính giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[2.2] Bị cáo Trần Văn D là người đã T niên, nhận thức hành vi vi phạm bị pháp luật xử lý nghiêm minh nhưng vẫn cùng với bị cáo T dùng thủ đoạn gian dối, sử dụng các giấy tờ giả để thực hiện hành vi lừa đảo nhằm chiếm đoạt tài sản của người bị hại. Ngoài ra, bị cáo còn nhờ bị cáo T lên mạng xã hội cung cấp các thông tin cho đối tượng làm giả giấy tờ đặt các loại giấy tờ chứng minh quyền sở hữu của chiếc xe mà bị cáo đã mua không có nguồn gốc (xe bị mất trộm) để nhằm lưu thông, tránh được sự kiểm tra của các cơ quan chức năng. Vì vậy, cần phải xử phạt bị cáo mức án Túng xứng với tính chất, hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra thì mới có tính giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[3] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo thì thấy:

[3.1] Bị cáo Trương Minh T phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản; tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có; tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức để thực hiện hành vi lừa đảo thuộc trường hợp “Phạm tội từ 02 lần trở lên”, là tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Tại phiên tòa, bị cáo T khẩn khai báo, ăn năn hối cải và muốn sửa chữa những sai lầm về hành vi phạm tội của mình nên Hội đồng xét xử sơ thẩm áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 để xem xét giảm nhẹ khi quyết định hình phạt đối với bị cáo, thể hiện sự khoan H của pháp luật. Tuy nhiên, nhân thân bị cáo đã bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam xử phạt 04 năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”, chấp hành xong vào ngày 14/4/2016; bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam xử phạt 06 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”, chấp hành xong vào ngày 14/6/2017.

[3.2] Bị cáo Trần Văn D phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản thuộc trường hợp “Phạm tội từ 02 lần trở lên”, là tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Tại phiên tòa, bị cáo T khẩn khai báo, ăn năn hối cải và muốn sửa chữa những sai lầm về hành vi phạm tội của mình nên Hội đồng xét xử sơ thẩm áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 để xem xét giảm nhẹ

khi quyết định hình phạt đối với bị cáo, thể hiện sự khoan H của pháp luật. Tuy nhiên, nhân thân bị cáo đã bị Tòa án nhân dân quận H, T phố Đà Nẵng xử phạt 24 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong vào ngày 11/9/2013; bị Tòa án nhân dân quận L, T phố Đà Nẵng xử phạt 04 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong vào ngày 08/11/2017; bị Công an huyện T, tỉnh Quảng Nam xử phạt số tiền 750.000 đồng về hành vi “Đánh nhau”, nộp phạt ngày 19/4/2018.

[4] Các bị cáo không có việc làm và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt tiền bổ sung đối với các bị cáo.

[5] Đối với các đối tượng đã bán xe cho bị cáo Trương Minh T và bị cáo Trần Văn D cũng như các đối tượng đã làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức rồi bán lại cho bị cáo T và bị cáo D sử dụng, do chưa xác định được lai lịch nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc T tiếp tục điều tra làm rõ xử lý sau là phù hợp.

[6] Về trách nhiệm dân sự: trong quá trình điều tra, những người bị hại yêu cầu bị cáo Trương Minh T phải có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại, cụ thể: ông Mạc Xuân T yêu cầu bồi thường số tiền 28.000.000 đồng, ông Lưu Quý T yêu cầu bồi thường số tiền 40.000.000 đồng và bà Trần Hoàng O yêu cầu bồi thường số tiền 30.000.000 đồng. Tại phiên tòa, bị cáo Trương Minh T thống nhất bồi thường số tiền trên cho những bị hại. Xét thấy, bị cáo tự nguyện bồi thường thiệt hại cho các bị hại là phù hợp với quy định tại điều 584, điều 586 và điều 590 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về xử lý vật chứng của vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc T đã thu giữ và xử lý các vật chứng liên quan đến vụ án theo quy định của pháp luật. Đối với các vật chứng còn lại, Hội đồng xét xử áp dụng điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự xử lý: tịch thu tiêu hủy các biển số xe giả 92V1-061.60; 92V1-064.15; 92V1-058.75; 92V1-061.60; 92D1-167.68. Trả lại cho bị cáo Trương Minh T: 01 giấy phép lái xe hạng A1, số 490163009257 mang tên Trương Minh T; 01 giấy phép lái xe hạng C, số 490163009257 mang tên Trương Minh T; 01 điện thoại di động, màu đen loại màn hình phím bấm, giữa góc màn hình điện thoại có dòng chữ FORME, có gắn thẻ sim 079.3333291. Trả lại cho bị cáo Trần Văn D: 01 giấy chứng minh nhân dân số 205261087 mang tên Trần Văn D; 01 điện thoại di động, nhãn hiệu OPPO, màu xanh đen loại OPPO F9; 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone, màu vàng đồng. Tịch thu (truy thu) sung vào ngân sách nhà nước số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) của bị cáo Trần Văn D có được do phạm tội mà có.

(Vật chứng trên hiện đang được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc T theo biên bản giao nhận ngày 14/9/2020).

[8] Về án phí: bị cáo Trương Minh T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm là 4.900.000 đồng. Bị cáo Trần Văn D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

[9] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Quảng Nam, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc T, tỉnh Quảng Nam, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ

tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo xuất trình tài liệu, chứng cứ phù hợp với quy định của pháp luật; người bào chữa, bị cáo, nguyên đơn dân sự và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a, c khoản 2 Điều 174; điểm a khoản 3 Điều 341; điểm c khoản 2 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Trương Minh T phạm các tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”; “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*; *tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”; “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”.

Xử phạt Trương Minh T 04 (bốn) năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”; 03 (ba) năm tù về tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*; *tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”; 03 (ba) năm tù về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”.

Căn cứ điểm a khoản 1 điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Trương Minh T phải chấp hành hình phạt chung của ba tội là 10 (mười) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam, ngày 05/5/2020.

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 174; điểm b, d khoản 2 Điều 341; khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Trần Văn D phạm các tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”; “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*; *tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”; “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”.

Xử phạt Trần Văn D 02 (hai) năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”; 02 (hai) năm tù về tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*; *tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”; 01 (một) năm tù về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”.

Căn cứ điểm a khoản 1 điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Trần Văn D phải chấp hành hình phạt chung của ba tội là 05 (năm) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam, ngày 02/7/2020.

Về trách nhiệm dân sự: áp dụng điều 584, điều 586 và điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015, công nhận sự tự nguyện bồi thường của bị cáo, cụ thể: bị cáo Trương Minh T có nghĩa vụ bồi thường cho ông ông Mạc Xuân T số tiền 28.000.000 đồng (*Hai mươi tám triệu đồng*), ông Lưu Quý T số tiền 40.000.000 đồng (*Bốn mươi triệu đồng*), bà Trần Hoàng O số tiền 30.000.000 đồng (*Ba mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đôi với các trường hợp cơ quan

thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về xử lý vật chứng: áp dụng điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015:

Tịch thu tiêu hủy: các biển số xe giả 92V1-061.60; 92V1-064.15; 92V1-058.75; 92V1-061.60; 92D1-167.68.

Trả lại cho bị cáo Trương Minh T: 01 giấy phép lái xe hạng A1, số 490163009257 mang tên Trương Minh T; 01 giấy phép lái xe hạng C, số 490163009257 mang tên Trương Minh T; 01 điện thoại di động, màu đen loại màn hình phím bấm, giữa góc màn hình điện thoại có dòng chữ FORME, có gắn thẻ sim 079.3333291.

Trả lại cho bị cáo Trần Văn D: 01 giấy chứng minh nhân dân số 205261087 mang tên Trần Văn D; 01 điện thoại di động, nhãn hiệu OPPO, màu xanh đen loại OPPO F9; 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone, màu vàng đồng.

Tịch thu (truy thu) sung vào ngân sách nhà nước số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) của bị cáo Trần Văn D có được do phạm tội mà có.

(Vật chứng trên hiện đang được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc T theo biên bản giao nhận ngày 26/11/2021).

Về án phí: Áp dụng khoản 2 điều 135, khoản 2 điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Trương Minh T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) và án phí dân sự sơ thẩm là 4.900.000 đồng (Bốn triệu chín trăm nghìn đồng). Bị cáo Trần Văn D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

Các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 29/4/2022). Các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Bắc T;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

- Chi cục THADS huyện Bắc T;
- Sở T pháp tỉnh Quảng Nam;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lê Thanh Hải

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Văn Thăng Nguyễn Tuấn Sơn

Lê Thanh Hải

